

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 936/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ

2. Bà Trần Thị Mỹ Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 951/2016/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2016 về việc « Ly hôn » theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-5-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15-6-2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T. Sinh năm: 1977.

Địa chỉ thường trú: Đường T, khu phố B, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Đường số N, khu phố B, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P. Sinh năm: 1968.

Địa chỉ thường trú: Đường T, khu phố B, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: đường T, khu phố B, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt; Ông Nguyễn Văn P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-07-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05-4-1997. Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/97. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ

chồng đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn hai bên ngày càng sâu sắc. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2012 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về nuôi con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung:

1-Nguyễn Ngọc M T (giới tính: nữ), sinh ngày 06-5-1999.

2-Nguyễn Minh T (giới tính: nam), sinh ngày 01-10-2003.

Cháu T, cháu T hiện đang ở với bà. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung bởi vì bà có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng tuân thủ đúng quy định của pháp luật về trình tự phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Bình Tân nhận định:

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù, ông P không có ý kiến tại Tòa án về tình trạng hôn nhân của ông và bà T nhưng thái độ ông P là vắng mặt tại Tòa án không rõ lý do, bỏ mặc hậu quả, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ gia đình. Do đó, hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Ông P và bà T có 02 (hai) con chung. Bà T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đảm bảo nuôi dưỡng được cháu Nguyễn Minh T. Còn cháu Nguyễn Ngọc M T (giới tính: nữ), sinh ngày 06-5-1999 đã trưởng thành nên Tòa không xét. Hơn nữa, cháu T hiện nay đang ở với bà T, được bà T nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T xác định không có nên Tòa không xét. Nếu sau này ông P khai có tài sản chung, nợ chung thì tranh chấp tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng tuân thủ đúng quy định của pháp luật về trình tự phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt tại Tòa án không rõ lý do nên Tòa án phải xác minh nơi cư trú của bị đơn và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhiều lần dẫn đến việc Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Các ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/97 ngày 05/4/1997 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Ngọc M T (giới tính: nữ), sinh ngày 06-5-1999 đã trưởng thành nên Tòa không xét.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T (giới tính: nam), sinh ngày 01-10-2003.

Ông Nguyễn Văn P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, sau này ông P, bà T đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định không có nên Tòa không xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000788 ngày 09-8-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA dân sự Q. Bình Tân;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Mai Xuân